

# BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SUN - SỐNG TINH HOA - Kế hoạch ưu tiên tích lũy

Tạo dựng tài sản thừa kế cho thế hệ tương lai

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Địa chỉ liên hệ:



TÍCH LŨY & KẾ THỪA  
TINH HOA

- Tích lũy hiệu quả với lãi suất đảm bảo trong suốt Thời hạn bảo hiểm và các khoản thưởng hấp dẫn
- Kế thừa tinh hoa giữa các thế hệ

- Phí bảo vệ đặc biệt ưu đãi
- Đảm bảo chi trả quyền lợi đã cam kết khi có sự kiện bảo hiểm
- Đảm bảo tăng mức bảo vệ miễn thăm định khi gia tăng trách nhiệm tài chính



BẢO VỆ  
VƯỢT TRỘI



LINH HOẠT  
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

- Đóng phí và đầu tư thêm theo nhu cầu
- Rút tiền theo nhu cầu bất kỳ lúc nào

Người lập: Đỗ Phương Thảo

Mã số: PB65

Ngày lập: 04/06/2021

Chi nhánh/Văn phòng: A&P

Điện thoại: 999999999

Địa chỉ Email: TEST@SUNLIFE.COM



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM (SUN LIFE VIỆT NAM)

Trụ sở: Tầng 29, Toà nhà Vietcombank, 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (84.28) 629 85 888 / Fax: (84.28) 629 85 999 / Hotline: 1800 1786

Giấy phép thành lập số 68GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24/01/2013 (đã được sửa đổi bổ sung); Vốn điều lệ 14.380 tỷ đồng

Phiên bản: 20210526

04/06/2021 13:59:39

Trang 1/13

Bên mua bảo hiểm: Nguyen Van A

Tuổi: 31

Giới tính: Nam

Đơn vị tính: đồng

Người được bảo hiểm (NDBH)	Ngày sinh	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (Năm) <sup>(*)</sup>	Phí bảo hiểm năm
Nguyen Van A	04/06/1990	31 - Nam	1	SUN - Sống Tinh Hoa - Kế hoạch Ưu tiên tích lũy BH Bổ Sung - Sống An	2.000.000.000 4.000.000.000	69 39	40.000.000 11.600.000

	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm cơ bản (1)	10.000.000	20.000.000	40.000.000
Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (2)	2.900.000	5.800.000	11.600.000
Phí bảo hiểm định kỳ (3) = (1) + (2)	12.900.000	25.800.000	51.600.000
Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến (4)	0	0	0
Phí bảo hiểm định kỳ dự kiến = (3) + (4)	○ 12.900.000	○ 25.800.000	○ 51.600.000

**Ghi chú:**

- (\*) Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm. Tuy nhiên, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí linh hoạt từ Năm hợp đồng thứ 4, tùy thuộc vào nhu cầu tiết kiệm và bảo vệ của mình. Việc giảm/tạm ngưng đóng phí hoặc rút từ Giá trị tài khoản có thể dẫn đến hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả	Ghi chú
<b>Người được bảo hiểm: Nguyen Van A</b>			
<b>SUN - Sống Tinh Hoa</b>	Tử vong	Giá trị tài khoản gia tăng, cộng giá trị lớn hơn giữa 2.000.000.000 đồng và Giá trị tài khoản cơ bản.	
	Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV)	Giá trị tài khoản gia tăng, cộng giá trị lớn hơn giữa 2.000.000.000 đồng và Giá trị tài khoản cơ bản.	Nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước ngày sinh nhật lần thứ 75 của Người được bảo hiểm.

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả	Ghi chú
<b>Người được bảo hiểm: Nguyen Van A</b>			
BH Bỏ Sung - Sóng An (****)	Chấn thương và Thương tật bộ phận vĩnh viễn do Tai nạn	Lên đến 4.000.000.000 /Năm hợp đồng	Chi trả % STBH tương ứng với các chấn thương được quy định tại Quy tắc và Điều khoản SPBS này. Quyền lợi Chấn thương do Tai nạn (bao gồm Gãy xương, Chấn thương các cơ quan nội tạng, đứt Mô liên kết, Bỏng độ 2 từ 10% bề mặt cơ thể & Bỏng độ 3 từ 10% đến dưới 20% bề mặt cơ thể) chấm dứt khi tổng quyền lợi chi trả cho Chấn thương do Tai nạn đạt 200% STBH.
	Chấn thương nghiêm trọng và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn	4.000.000.000	Chấn thương nghiêm trọng bao gồm Bỏng độ 3 từ 20% bề mặt cơ thể; Hôn mê; Chấn thương sọ não nghiêm trọng
	Tử vong do Tai nạn trong các trường hợp đặc biệt	Lên đến 12.000.000.000	Chi trả theo % STBH tương ứng với các sự kiện sau: hành khách trên chuyến bay thương mại hoặc Phương tiện giao thông công cộng, trong các ngày nghỉ Lễ/ Tết của Việt Nam, hỏa hoạn/sự cố thang máy trong các Tòa nhà công cộng, khi đang làm việc hoặc vợ/chồng cùng tử vong trong một tai nạn.
	Do các Tai nạn khác	4.000.000.000	

(\*\*\*\*) Các quyền lợi đã chi trả (nếu có) trong cùng 1 Tai nạn hoặc trong cùng Năm hợp đồng sẽ bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi tử vong, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Chấn thương nghiêm trọng do Tai nạn. Trong cùng 1 Tai nạn, nếu NĐBH thỏa nhiều sự kiện bảo hiểm dẫn đến chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bỏ sung này (bao gồm Chấn thương nghiêm trọng do Tai nạn, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn, Tử vong do Tai nạn), Công ty sẽ chỉ chi trả cho một sự kiện bảo hiểm có tỷ lệ phần trăm cao nhất.

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng (1)	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm	Giá trị minh họa tại mức lãi suất 6,5%/năm						
					Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)
1/31	51.600	40.000	-	11.600	-	9.346	-	9.346	-	2.000.000	-
2/32	103.200	40.000	-	11.600	-	23.416	-	23.416	-	2.000.000	-
3/33	154.800	40.000	-	11.600	-	51.061	-	51.061	15.061	2.000.000	-
4/34	206.400	40.000	-	11.600	-	91.021	-	91.021	57.021	2.000.000	-
5/35	258.000	40.000	-	11.600	1.997	135.417	-	135.417	103.417	2.000.000	-
6/36	309.600	40.000	-	11.600	-	182.660	-	182.660	154.660	2.000.000	-
7/37	361.200	40.000	-	11.600	-	232.760	-	232.760	208.760	2.000.000	-
8/38	412.800	40.000	-	11.600	-	285.911	-	285.911	269.911	2.000.000	-
9/39	464.400	40.000	-	11.600	-	342.301	-	342.301	334.301	2.000.000	-
10/40	516.000	40.000	-	11.600	10.039	412.146	-	412.146	412.146	2.000.000	-
11/41	567.600	40.000	-	11.600	-	476.298	-	476.298	476.298	2.000.000	-
12/42	619.200	40.000	-	11.600	-	544.410	-	544.410	544.410	2.000.000	-
13/43	670.800	40.000	-	11.600	-	616.758	-	616.758	616.758	2.000.000	-
14/44	722.400	40.000	-	11.600	-	693.664	-	693.664	693.664	2.000.000	-
15/45	774.000	40.000	-	11.600	24.334	799.814	-	799.814	799.814	2.000.000	-
16/46	825.600	40.000	-	11.600	-	888.601	-	888.601	888.601	2.000.000	-
17/47	877.200	40.000	-	11.600	-	983.197	-	983.197	983.197	2.000.000	-
18/48	928.800	40.000	-	11.600	-	1.084.052	-	1.084.052	1.084.052	2.000.000	-
19/49	980.400	40.000	-	11.600	-	1.191.659	-	1.191.659	1.191.659	2.000.000	-
20/50	1.032.000	40.000	-	11.600	47.796	1.354.362	-	1.354.362	1.354.362	2.000.000	-
25/55	1.290.000	40.000	-	11.600	-	2.082.404	-	2.082.404	2.082.404	2.082.404	-
30/60	1.548.000	40.000	-	11.600	-	3.093.371	-	3.093.371	3.093.371	3.093.371	-
35/65	1.806.000	40.000	-	11.600	-	4.478.483	-	4.478.483	4.478.483	4.478.483	-
40/70	2.052.400	40.000	-	-	-	6.375.857	-	6.375.857	6.375.857	6.375.857	-
45/75	2.252.400	40.000	-	-	-	8.973.783	-	8.973.783	8.973.783	8.973.783	-
49/79	2.412.400	40.000	-	-	48.000	11.728.932	48.000	11.776.932	11.776.932	11.776.932	-
50/80	2.452.400	40.000	-	-	-	12.533.167	51.120	12.584.287	12.584.287	12.584.287	-
55/85	2.652.400	40.000	-	-	-	17.409.832	70.039	17.479.871	17.479.871	17.479.871	-
60/90	2.852.400	40.000	-	-	-	24.091.286	95.959	24.187.245	24.187.245	24.187.245	-
65/95	3.052.400	40.000	-	-	-	33.245.456	131.473	33.376.929	33.376.929	33.376.929	-

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng (1)	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm	Giá trị minh họa tại mức lãi suất 6,5%/năm						
					Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)
69/99	3.212.400	40.000	-	-	-	42.953.622	169.135	43.122.757	43.122.757	43.122.757	-

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng (1)	Giá trị minh họa tại mức lãi suất 5%/năm (6)					Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo (7)				
		Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)	Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)
1/31	51.600	-	9.114	-	2.000.000	-	-	8.921	-	2.000.000	-
2/32	103.200	-	22.740	-	2.000.000	-	-	21.970	-	2.000.000	-
3/33	154.800	-	49.528	13.528	2.000.000	-	-	47.652	11.652	2.000.000	-
4/34	206.400	-	88.022	54.022	2.000.000	-	-	84.270	50.270	2.000.000	-
5/35	258.000	1.950	130.230	98.230	2.000.000	-	1.892	123.714	91.714	2.000.000	-
6/36	309.600	-	174.521	146.521	2.000.000	-	-	163.492	135.492	2.000.000	-
7/37	361.200	-	220.807	196.807	2.000.000	-	-	204.035	180.035	2.000.000	-
8/38	412.800	-	269.190	253.190	2.000.000	-	-	244.124	228.124	2.000.000	-
9/39	464.400	-	319.763	311.763	2.000.000	-	-	284.760	276.760	2.000.000	-
10/40	516.000	9.510	382.102	382.102	2.000.000	-	8.721	334.625	334.625	2.000.000	-
11/41	567.600	-	437.824	437.824	2.000.000	-	-	374.607	374.607	2.000.000	-
12/42	619.200	-	496.085	496.085	2.000.000	-	-	414.874	414.874	2.000.000	-
13/43	670.800	-	557.016	557.016	2.000.000	-	-	455.417	455.417	2.000.000	-
14/44	722.400	-	620.784	620.784	2.000.000	-	-	496.249	496.249	2.000.000	-
15/45	774.000	22.128	709.698	709.698	2.000.000	-	18.409	555.795	555.795	2.000.000	-
16/46	825.600	-	780.885	780.885	2.000.000	-	-	594.595	594.595	2.000.000	-
17/47	877.200	-	855.535	855.535	2.000.000	-	-	633.458	633.458	2.000.000	-
18/48	928.800	-	933.864	933.864	2.000.000	-	-	672.373	672.373	2.000.000	-
19/49	980.400	-	1.016.099	1.016.099	2.000.000	-	-	711.319	711.319	2.000.000	-
20/50	1.032.000	41.469	1.143.965	1.143.965	2.000.000	-	30.496	780.779	780.779	2.000.000	-
25/55	1.290.000	-	1.662.587	1.662.587	2.000.000	-	-	953.822	953.822	2.000.000	-
30/60	1.548.000	-	2.346.015	2.346.015	2.346.015	-	-	1.116.711	1.116.711	2.000.000	-
35/65	1.806.000	-	3.223.649	3.223.649	3.223.649	-	-	1.265.583	1.265.583	2.000.000	-
40/70	2.052.400	-	4.343.489	4.343.489	4.343.489	-	-	1.395.330	1.395.330	2.000.000	-
45/75	2.252.400	-	5.771.506	5.771.506	5.771.506	-	-	1.496.011	1.496.011	2.000.000	-
49/79	2.412.400	48.000	7.241.140	7.241.140	7.241.140	-	48.000	1.594.607	1.594.607	2.048.000	-
50/80	2.452.400	-	7.644.457	7.644.457	7.644.457	-	-	1.602.287	1.602.287	2.048.240	-
55/85	2.652.400	-	9.984.471	9.984.471	9.984.471	-	-	1.581.175	1.581.175	2.049.458	-
60/90	2.852.400	-	12.970.988	12.970.988	12.970.988	-	-	1.322.069	1.322.069	2.050.707	-
64/94	3.012.400	-	15.944.155	15.944.155	15.944.155	-	-	456.571	456.571	2.051.729	-

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng (1)	Giá trị minh họa tại mức lãi suất 5%/năm (6)					Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo (7)				
		Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)	Các khoản thưởng (2)	Giá trị tài khoản (3)	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền (5)
65/95	3.052.400	-	16.782.623	16.782.623	16.782.623	-	-	(*)	-	-	-
69/99	3.212.400	-	20.577.222	20.577.222	20.577.222	-	-	-	-	-	-



## Ghi chú:

- (1) Bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có).
- (2) Bao gồm Thưởng duy trì hợp đồng và Thưởng tuổi vàng:

Thưởng duy trì hợp đồng: một khoản thưởng theo tỷ lệ % Giá trị tài khoản trung bình trong 60 tháng gần nhất sẽ được tích lũy ngay vào Giá trị tài khoản vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 5, 10, 15 và 20 như bảng dưới đây nếu trong khoảng thời gian xét thưởng (60 tháng trước ngày trả thưởng), hợp đồng có hiệu lực tại thời điểm trả thưởng và tổng Phí bảo hiểm đã đóng (không bao gồm phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung, nếu có) trừ tổng các khoản rút  $\geq 5$  lần Phí bảo hiểm cơ bản năm được xác định tại Ngày hiệu lực hợp đồng.

Ngày kỷ niệm hợp đồng	Lần thứ 5	Lần thứ 10	Lần thứ 15	Lần thứ 20
Thưởng duy trì hợp đồng (% GTTK trung bình trong 60 tháng gần nhất)	3%	3,5%	4%	4,5%

Thưởng tuổi vàng: trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 80 tuổi, một khoản thưởng được tích lũy vào Giá trị tài khoản gia tăng theo tỷ lệ như sau:

Số tiền bảo hiểm được xác định tại Ngày hiệu lực hợp đồng	Từ 1 tỷ đồng đến dưới 1,5 tỷ	Từ 1,5 tỷ đồng
% Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm	100%	120%

- (3) Giá trị tài khoản là tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản gia tăng.
- (4) Giá trị hoàn lại được xác định tại cuối mỗi Năm hợp đồng và là số tiền mà Bên mua bảo hiểm nhận được nếu hủy hợp đồng trước hạn sau Thời gian cân nhắc hoặc tại Ngày đáo hạn hợp đồng.
- (5) Việc rút tiền sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Giá trị tài khoản gia tăng trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.
- (6) Lãi suất minh họa không vượt quá trung bình các mức tỷ suất đầu tư thực tế trong 60 tháng gần nhất. Lãi suất công bố thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức minh họa, nhưng đảm bảo không thấp hơn lãi suất đảm bảo được quy định trên đây.  
Vui lòng tham khảo lãi suất công bố thực tế tại [www.sunlife.com.vn](http://www.sunlife.com.vn). Lưu ý lãi suất công bố thực tế trong quá khứ chỉ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo về lãi suất công bố trong tương lai.
- (7) Lãi suất đảm bảo được quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2 - 5	6 - 7	8 - 10	11 - 15	16 - 20	21+
Lãi suất đảm bảo hàng năm	3,75%	3%	2,5%	2%	1,5%	1%	0,5%

- (\*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng. Quyền lợi bảo hiểm không được chi trả trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Quý khách có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng trong vòng 24 tháng kể từ ngày mất hiệu lực.

## 1. Phí ban đầu:

Khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm thu được tại mỗi lần đóng phí trước khi được phân bổ vào Giá trị tài khoản. Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4 - 5	6+
Phí bảo hiểm cơ bản	70%	60%	30%	5%	0%
Phí bảo hiểm đóng thêm	2%	2%	2%	2%	0%

## 2. Phí bảo hiểm rủi ro

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo vệ của Hợp đồng bảo hiểm. Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro được xác định theo Số tiền bảo hiểm rủi ro, tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm và sẽ tăng theo tuổi của Người được bảo hiểm tại mỗi Ngày kỷ niệm năm hợp đồng.

## 3. Phí quản lý hợp đồng

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng bằng 36.000 đồng/tháng trong năm 2021 và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng/tháng.

## 4. Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí quản lý quỹ không vượt quá 2%/năm và sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất tích lũy.

## 5. Phí hủy hợp đồng

Khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi hủy hợp đồng sau Thời gian cân nhắc. Phí hủy hợp đồng được tính bằng tỷ lệ Phí hủy hợp đồng nhân Giá trị tài khoản cơ bản. Tỷ lệ Phí hủy hợp đồng là tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng như được quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7	8	9	10 +
Tỷ lệ Phí hủy hợp đồng	90%	85%	80%	70%	60%	40%	20%	0%

## 6. Phí rút tiền

Khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi thực hiện rút từ Giá trị tài khoản cơ bản và được tính bằng Phí hủy hợp đồng nhân tỷ lệ rút tiền. Tỷ lệ rút tiền là hệ số giữa số tiền rút và Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm rút tiền.

*Lưu ý: Các khoản phí nêu trên không được bảo đảm và có thể thay đổi theo phê duyệt của Bộ Tài chính.*

## BẢNG TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí ban đầu	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro (*)
1/31	40.000	-	28.000	442	3.214
2/32	40.000	-	24.000	466	3.331
3/33	40.000	-	12.000	490	3.425
4/34	40.000	-	2.000	514	3.533
5/35	40.000	-	2.000	538	3.670
6/36	40.000	-	-	562	3.827
7/37	40.000	-	-	586	4.030
8/38	40.000	-	-	610	4.237
9/39	40.000	-	-	634	4.464
10/40	40.000	-	-	658	4.741
11/41	40.000	-	-	682	4.990
12/42	40.000	-	-	706	5.277
13/43	40.000	-	-	720	5.589
14/44	40.000	-	-	720	5.906
15/45	40.000	-	-	720	6.211
16/46	40.000	-	-	720	6.452
17/47	40.000	-	-	720	6.776
18/48	40.000	-	-	720	7.111
19/49	40.000	-	-	720	7.466
20/50	40.000	-	-	720	7.836
25/55	40.000	-	-	720	10.241
30/60	40.000	-	-	720	13.207
35/65	40.000	-	-	720	17.318
40/70	40.000	-	-	720	22.197
45/75	40.000	-	-	720	29.750
49/79	40.000	-	-	720	37.261
50/80	40.000	-	-	720	39.665
55/85	40.000	-	-	720	62.612
60/90	40.000	-	-	720	134.983

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM (SUN LIFE VIỆT NAM)**

Website: [www.sunlife.com.vn](http://www.sunlife.com.vn) / Email: [dichvu.khachhang@sunlife.com](mailto:dichvu.khachhang@sunlife.com) / Hotline: 1800 1786

Phiên bản: 20210526

04/06/2021 13:59:39

## BẢNG TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ (tiếp theo)

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

<b>Năm hợp đồng/ Tuổi</b>	<b>Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm</b>	<b>Phí bảo hiểm đóng thêm</b>	<b>Phí ban đầu</b>	<b>Phí quản lý hợp đồng</b>	<b>Phí bảo hiểm rủi ro (*)</b>
64/94	40.000	-	-	720	384.751

\*Dựa trên mức lãi suất đảm bảo

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi đã được Tư vấn Tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm của sản phẩm SUN - Sóng Tinh Hoa và các sản phẩm bổ sung (nếu có).
2. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức chuẩn và Phí bảo hiểm được đóng theo định kỳ năm. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm theo định kỳ đóng phí thực tế lựa chọn.
3. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào mức lãi suất thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, định kỳ đóng phí thực tế, số tiền rút thực tế, Phí bảo hiểm rủi ro thực tế và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này.
4. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.
5. Lạm phát có thể dẫn đến việc trượt giá đối với các số liệu được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm.
6. Trong trường hợp được sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Sun Life Việt Nam có thể thay đổi mức phí của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỷ niệm hợp đồng và Sun Life Việt Nam sẽ thông báo trước 03 tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
7. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và không được xem như là Hợp đồng bảo hiểm hay đề nghị giao kết hợp đồng.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Bên mua bảo hiểm (viết bằng chữ thường)]

Tôi, **Tư vấn Tài chính**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này với Bên mua bảo hiểm một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Tư vấn tài chính (viết bằng chữ thường)]